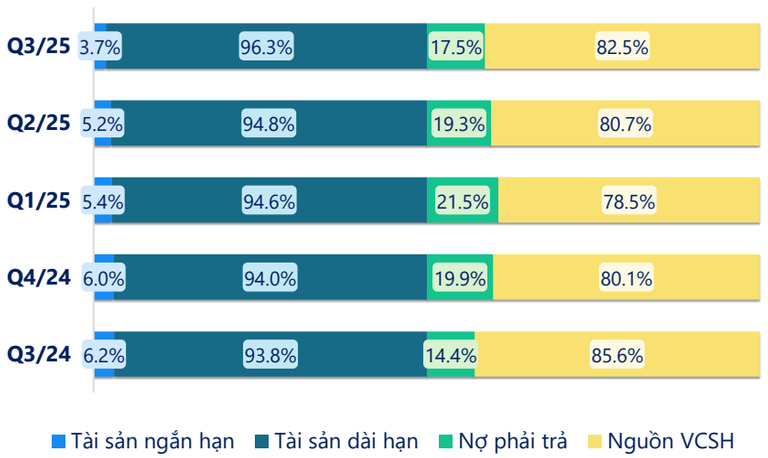
FireAnt

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,058
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,949
SL cổ phiếu LH	58,399,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	135
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	689
P/E	26.4
EPS	447

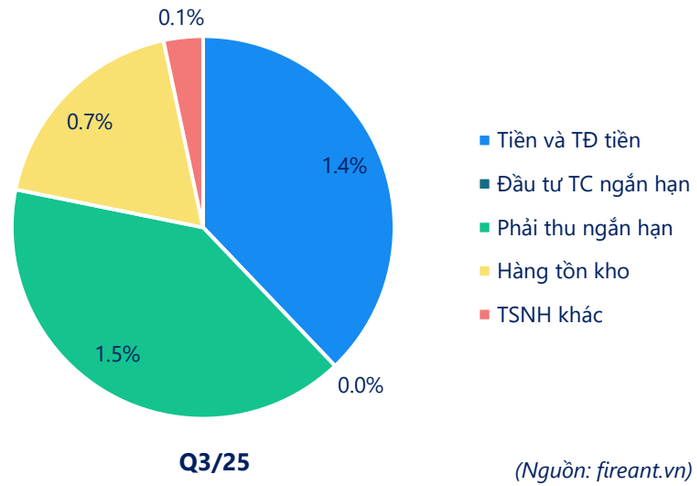
	YTD	1T	3T	6T
DSD	-10.4%	24.5%	4.2%	-10.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



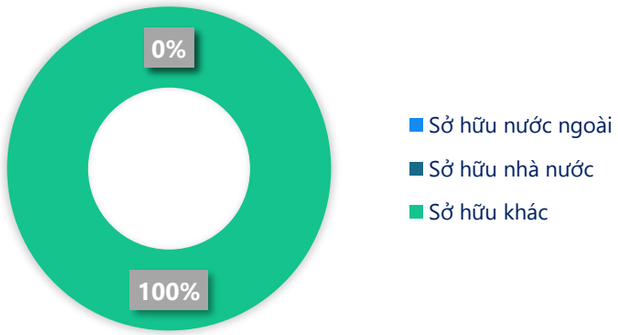
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



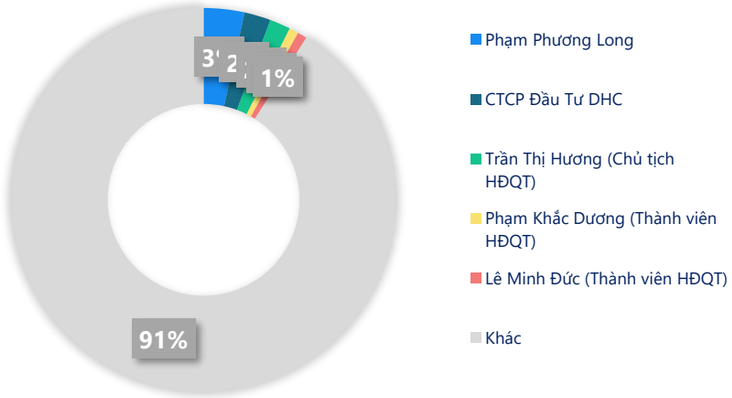
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



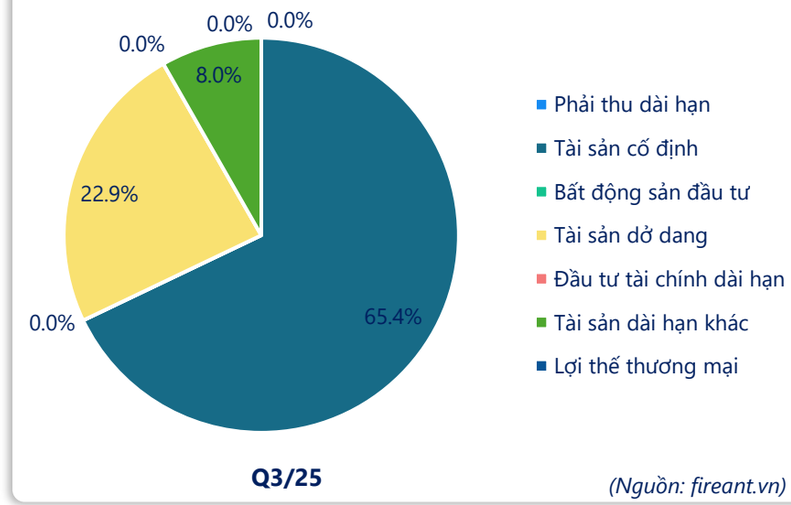
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

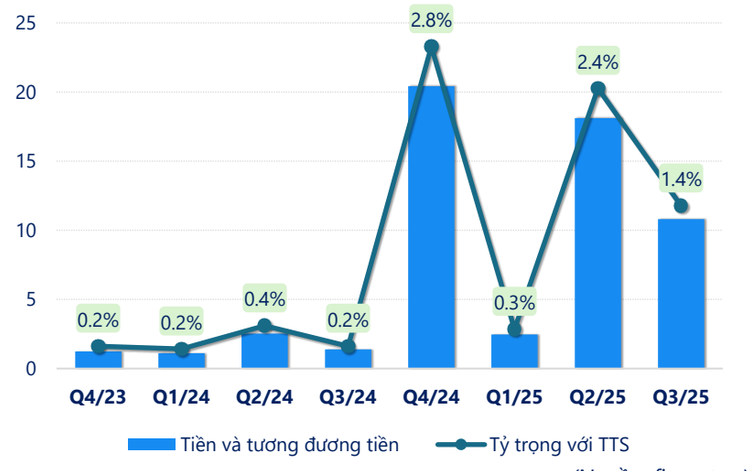


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

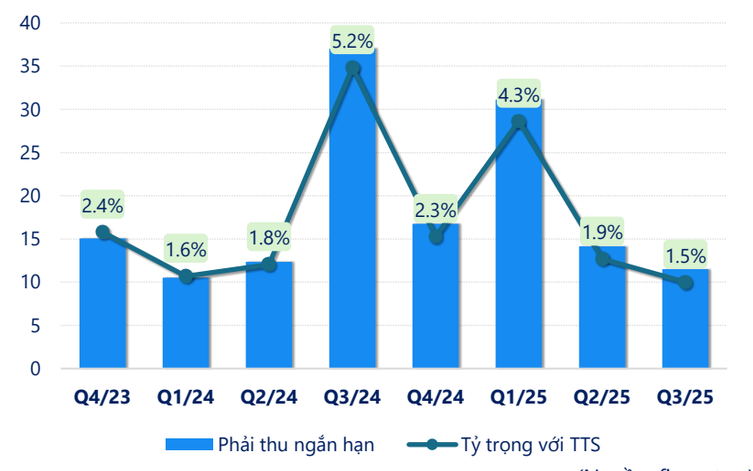
CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Tiền và tương đương tiền



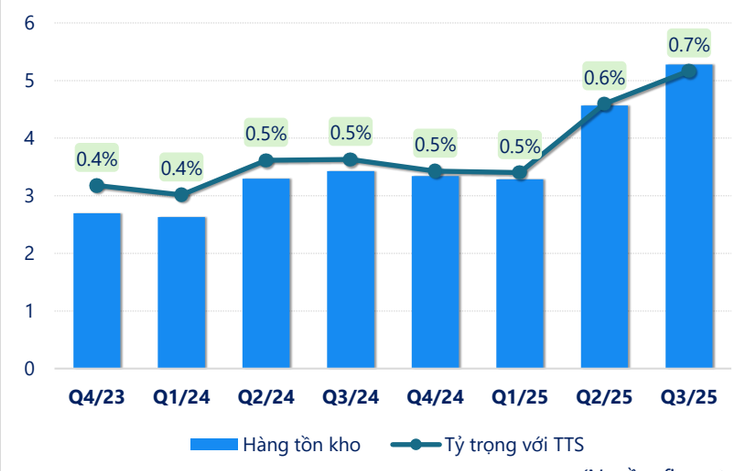
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



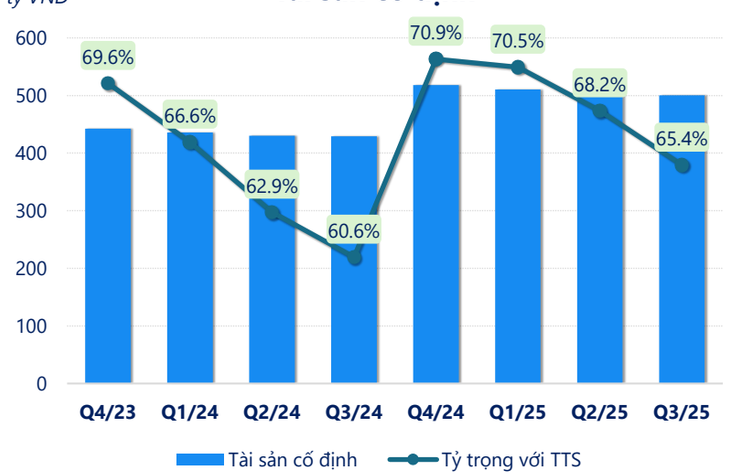
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



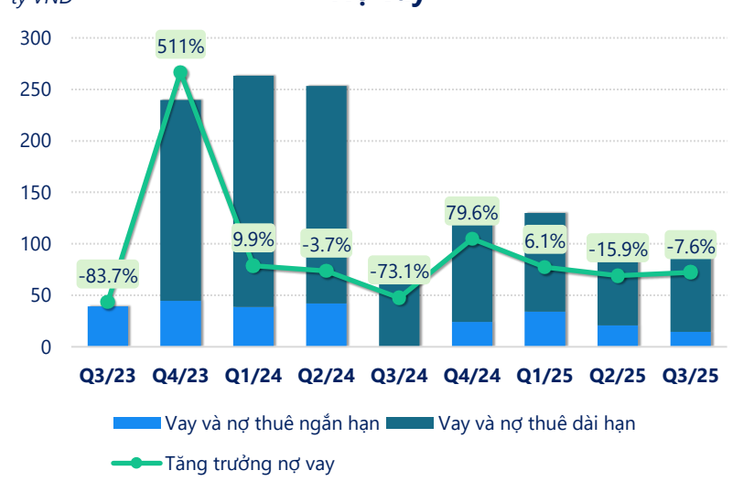
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



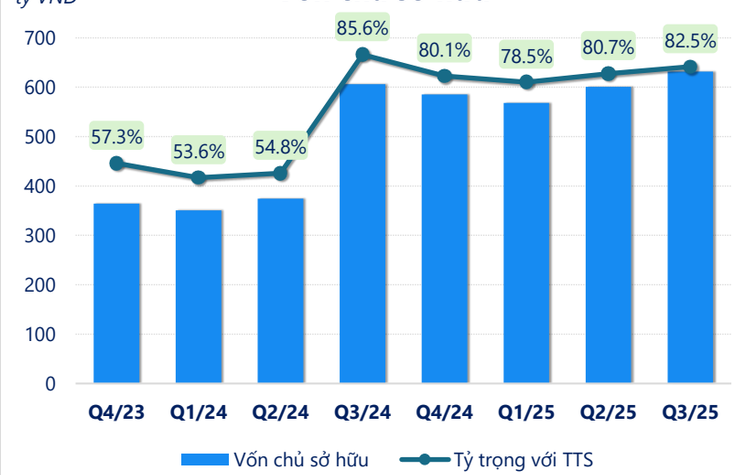
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

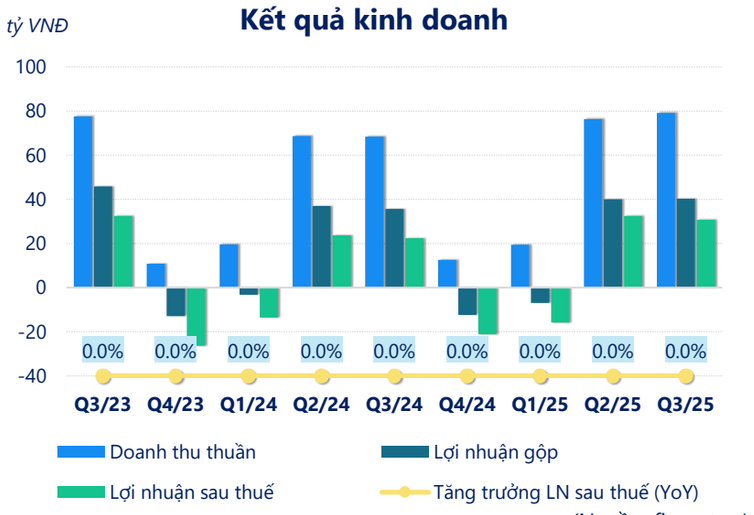
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

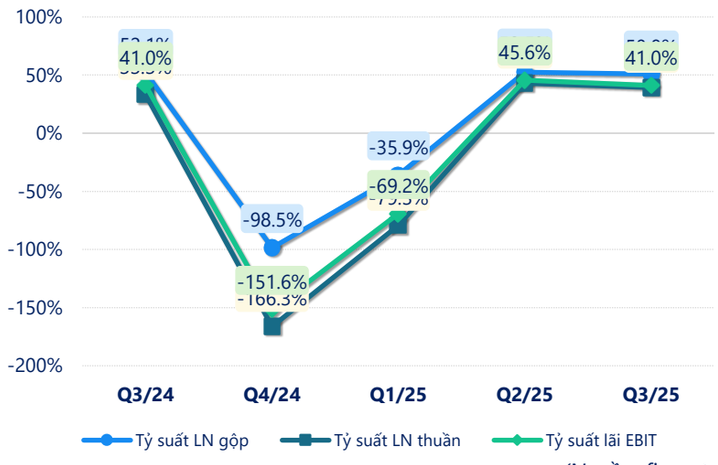
CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Kết quả kinh doanh



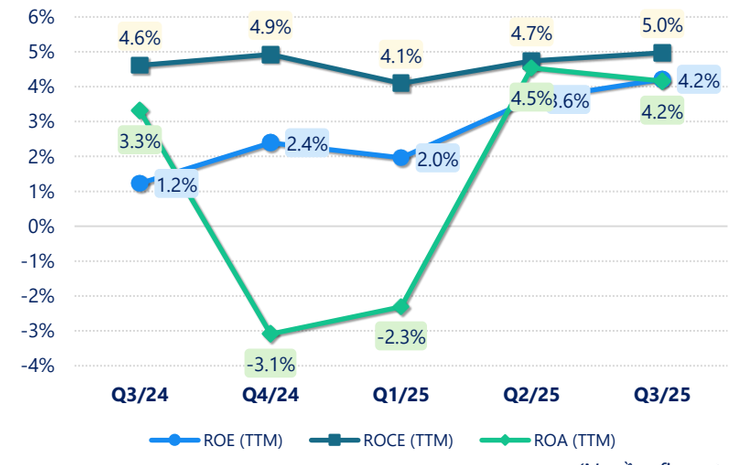
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



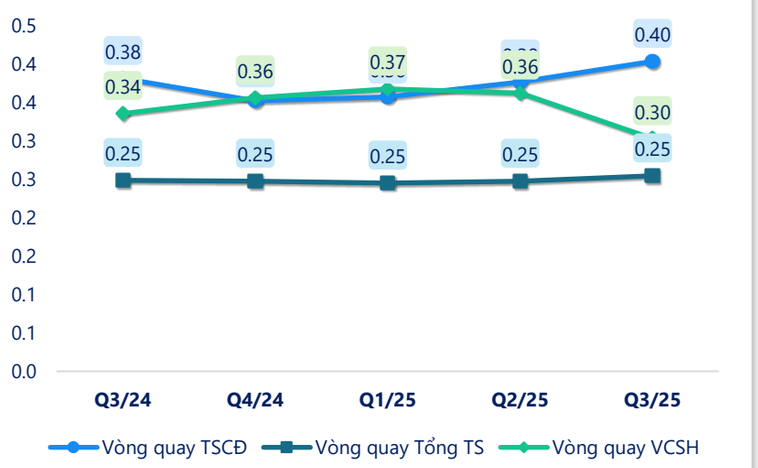
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



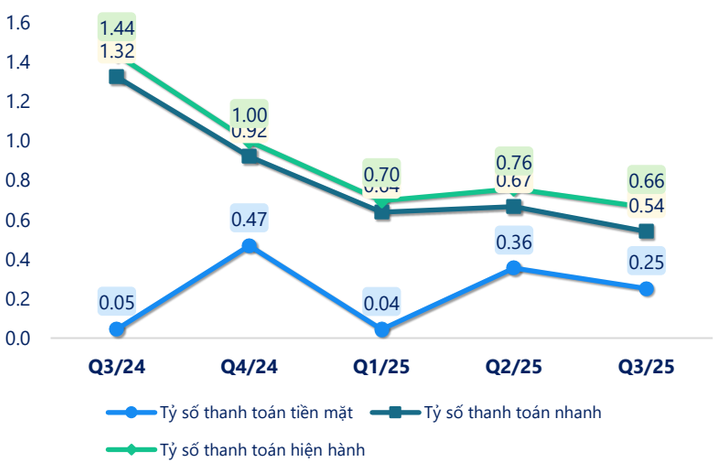
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



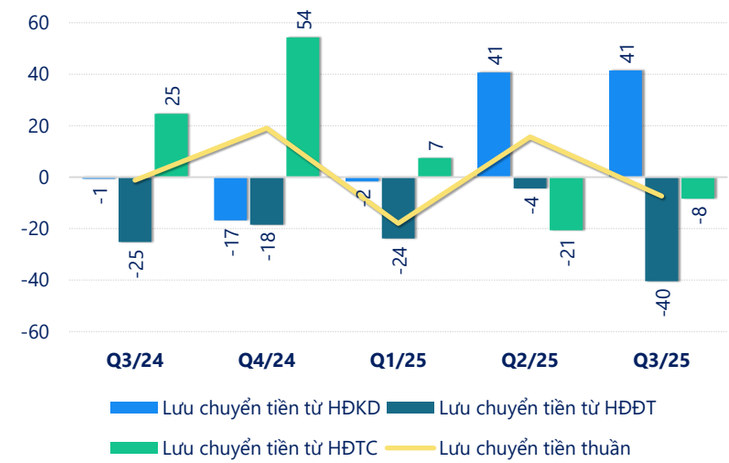
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**765**	**731**	**4.7%**
Tài sản ngắn hạn	28.5	43.5	-34.4%
Tiền và tương đương tiền	10.8	20.4	-47.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	11.5	16.8	-31.4%
Hàng tồn kho	5.27	3.34	57.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	2.96	-68.0%
Tài sản dài hạn	**737**	**688**	**7.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	500	518	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	176	103	71.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**60.9**	**66.7**	**-8.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	134	147	-8.7%
Nợ ngắn hạn	**43.0**	**44.7**	**-3.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	24.1	-40.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.2	12.5	69.6%
Nợ dài hạn	90.8	102	-10.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	86.6	98.4	-12.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**632**	**584**	**8.1%**
Vốn chủ sở hữu	**632**	**584**	**8.1%**
Vốn điều lệ	584	471	24.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	68.4	12.5	19.5	76.4	79.2
Giá vốn hàng bán	32.7	24.9	26.5	36.3	39.0
Lợi nhuận gộp	35.6	-12.3	-6.99	40.1	40.2
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01
Chi phí TC	5.26	1.84	1.91	2.04	1.69
Chi phí lãi vay	5.26	1.64	1.91	2.03	1.69
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.73	3.08	2.04	3.87	4.35
Chi phí QLDN	2.89	3.58	4.49	1.35	2.97
LN thuần từ HĐKD	22.8	-20.9	-15.4	32.8	31.2
Lợi nhuận khác	-0.01	0.19	0.06	-0.01	-0.41
LN trước thuế	22.8	-20.7	-15.4	32.8	30.8
Lợi nhuận sau thuế	22.3	-21.1	-15.9	32.4	30.7
LNST của CĐ cty mẹ	22.3	-21.1	-15.9	32.4	30.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.61	-16.8	-1.61	40.7	41.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.2	-18.4	-23.8	-4.44	-40.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	24.6	54.3	7.46	-20.6	-8.34
Tiền đầu kỳ	2.54	1.38	20.4	2.47	18.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.16**	**19.0**	**-18.0**	**15.6**	**-7.31**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.38	20.4	2.47	18.1	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic